TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THUỶ
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09/5/2019
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THUỶ, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ông Ngọc Lễ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Hà Bắc
2. Bà Phùng Thị Quỳnh

- ***Thư ký phiên toà****: Bà Trịnh Thị Mừng* – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thuỷ, tỉnh Nam Định.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2019/TLST-HNGĐ ngµy 12 th¸ng 4 n¨m 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST -DS ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị C; sinh năm 1992
Địa chỉ: Xóm 11, xã H, huyện Gi, tỉnh Nam Định
Bị đơn: Anh Trần Văn V; sinh năm 1989
Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Ng, huyện Gi, tỉnh Nam Định.
Tại phiên tòa: có mặt chị C, anh V

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/4/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 23/4/2019 và tại phiên tòa chị Bùi Thị C nguyên đơn trong vụ án trình bày: Chị và anh Trần Văn V tự nguyện tìm hiểu, được UBND thị trấn Ng, huyện Gi cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 01 năm 2017. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Hoành Sơn để ở. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương và

không thể chung sống với nhau được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Đức L, sinh ngày 14/3/2018, hiện nay con chung đang ở với anh V. Nguyện vọng của chị là được nuôi con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ và ruộng nhận khoán hợp tác xã, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 23/4/2019 và tại phiên tòa bị đơn là anh Trần Văn V trình bày: Anh và chị Bùi Thị C tự nguyện tìm hiểu, được UBND thị trấn Ng, huyện Gi cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 01 năm 2017. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do chị C thường xuyên dọa ly hôn và bỏ đi, và chị C đã bỏ nhà đi được khoảng một tháng. Nay chị C có đơn ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Đức L, sinh ngày 14/3/2018, hiện nay con chung đang ở với anh. Nguyện vọng của anh là được nuôi con và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ và ruộng nhận khoán hợp tác xã, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy nội dung nguyên đơn chị Bùi Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung đối với anh Trần Văn V; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố 1, thị trấn Ngô, huyện Gi, tỉnh Nam Định; Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị C và anh Trần Văn V tự nguyện tìm hiểu và được UBND thị trấn Ng, huyện Gi cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 01 năm 2017 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh V cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh cũng hoàn toàn nhất trí ly hôn.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Chị và anh V không thể tồn tại được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chấp nhận nguyện vọng của chị C và anh V là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Đức L, sinh ngày 14/3/2018, hiện tại con chung đang ở với anh V. Nay cả hai bên đương sự đều có

nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện thực tế cháu Trần Đức L chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần phải có sự chăm sóc trực tiếp của mẹ . Vì vậy nay Hội đồng xét xử sẽ giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, các mối quan hệ khác về tài sản và ruộng khoán của hợp tác xã: chị C, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị C và anh Trần Văn V.

2. Về con chung: Giao chị Bùi Thị C trực tiếp nuôi con chung là Trần Đức L, sinh ngày 14/3/2018, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được.

Buộc Anh Trần Văn V phải giao con chung là cháu Trần Đức L cho chị Bùi Thị C trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn: Chị Bùi Thị C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị C đã nộp theo biên lai thu số 0000286 ngày 11/4/2019 tại C cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị C, anh Trần Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Cơ quan đã cấp ĐKKH;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- C cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ông Ngọc Lễ